

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Trà Giang, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

**Về việc báo cáo số liệu định kỳ để công bố tải trọng, khổ giới hạn của
đường bộ địa phương trên địa bàn xã Trà Giang**

Thực hiện Công văn số 470/SXD-KCHT ngày 30/7/2025 của Sở Xây dựng về việc báo cáo số liệu định kỳ để công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kiểm tra, rà soát thực tế; UBND xã Trà Giang tổng hợp, báo cáo số liệu định kỳ để công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ địa phương trên địa bàn xã Trà Giang cụ thể như sau(*Có phụ lục kèm theo*).

Trên đây là Báo cáo về việc số liệu định kỳ để công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ địa phương trên địa bàn xã Trà Giang. Kính đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Sinh Quân

NỘI DUNG CÔNG BỐ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ

I. CÁC TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ ĐÃ VÀO CẤP

(Có tải trọng thiết kế mặt đường cho xe có tải trọng trục nhỏ hơn hoặc bằng 10 tấn/trục đơn của xe, tải trọng thiết kế cầu là HL – 93 hoặc tương đương)

TT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Tỉnh/thành phố	Cấp kỹ thuật hiện tại của đường bộ		Chiều dài (Km)	Thông tin cơ bản về tuyến, đoạn tuyến (gồm: chiều rộng mặt đường, số làn đường theo từng chiều đường)	Ghi chú
			ĐB	MN			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường Nghĩa Lâm – Nghĩa Sơn(ĐH.21)	Xã Trà Giang	X		7,0	Rộng 5,5m; 1 làn đường	
2	Đường Nghĩa Thắng – Đèo Chim Hút(ĐH.22)	Xã Trà Giang	X		8,8	Rộng 5,5m; 1 làn đường	
3	Đường thôn tuyến: Thôn 2 – Đồng Quang	Xã Trà Giang	X		0,35	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
4	Cầu Lâm 2 – Trường THCS	Xã Trà Giang	X		0,85	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
5	ĐT 623b – Dốc Vườn Biền	Xã Trà Giang	X		0,18	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
6	Bùi Thị Thành – Xi Phong	Xã Trà Giang	X		1,40	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
7	Đường thôn: Tuyến Trương Ích – giáp thôn 5	Xã Trà Giang	X		0,22	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
8	Ngõ ông Rậm – Ngõ Bảy Cát	Xã Trà Giang	X		0,60	Rộng 3,0m; 1 làn đường	

9	Nâng cấp, sửa chữa đường thôn tuyến Phạm Đình Mai – Phạm Trước	Xã Trà Giang	X		0,63	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
10	Giếng Bộng – Thổ Rớ	Xã Trà Giang	X		0,37	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
11	Trần Xuân Quang – Trần Đình Tiếp	Xã Trà Giang	X		0,47	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
12	Huỳnh Cao Quang – Tân Khai	Xã Trà Giang	X		0,62	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
13	Ngõ ông Sơn – Ngõ ông Tú(thôn 5)	Xã Trà Giang	X		0,63	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
14	Nguyễn Nhiên – Nguyễn Tấn Thành	Xã Trà Giang	X		0,28	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
15	Nguyễn Văn Lễ - Suối Lâm	Xã Trà Giang	X		0,71	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
16	Trần Ngọc Sinh – Lê Thử	Xã Trà Giang	X		0,24	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
17	Nguyễn Bút – Lê Thị Tôi	Xã Trà Giang	X		0,97	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
18	Lương Thị Tượng – Nguyễn Tấn Đoàn	Xã Trà Giang	X		1,01	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
19	Nguyễn Phúc tâm – Cầu Lâm 2	Xã Trà Giang	X		1,13	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
20	Trương Quang Linh – Trường tiểu học	Xã Trà Giang	X		0,78	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
21	Đ. thôn: Tuyến nhà ông Phùng – Nghĩa địa	Xã Trà Giang	X		0,17	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
22	Đường GT tuyến Gò Chùa – Hóc Kiến	Xã Trà Giang	X		0,70	Rộng 3,0m;	

						1 lần đường	
20	Đường GT tuyến đường nhựa – Xa mách	Xã Trà Giang	X		0,44	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
23	Đường thôn: Tuyến ngõ ông Minh – Ngõ bà Lớn	Xã Trà Giang	X		0,99	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
24	Tuyến TL 623b – Trường TH Đông Thắng	Xã Trà Giang	X		0,68	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
25	Tuyến đường ngõ ông Chúc – giáp ngõ bà Lâm(An Cư)	Xã Trà Giang	X		0,78	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
26	Ngõ Võ Thái Truyền -Bùi Ngọc Ngôi	Xã Trà Giang	X		1,39	Rộng 3,5m; 1 lần đường	
27	Tuyến đường từ ngã ba Ba Vồ đi thôn An Tân, xã Nghĩa Thọ	Xã Trà Giang	X		0,27	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
28	Tuyến đường từ ruộng Phạm Huỳnh đến ruộng Phạm Bua	Xã Trà Giang	X		0,31	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
29	Đường tránh lũ Dốc cây Thị, thôn An Tráng – Bàu Tré, xã Nghĩa Thắng	Xã Trà Giang	X		1,29	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
30	Đường tránh lũ An Lạc – An Cư	Xã Trà Giang	X		1,60	Rộng 3,5m; 1 lần đường	
31	Đường BTXM từ nhà Phạm Cứ đến Phạm Thêm	Xã Trà Giang	X		0,20	Rộng 3,0m; 1 lần đường	
32	Chợ chiều Quyết Thắng – kênh chính nam	Xã Trà Giang	X		1,94	Rộng 3,5m; 1 lần đường	
33	Đường xã tuyến ngõ ông Triều – giáp đường BTXM xã Nghĩa Thọ, thôn An Tân	Xã Trà Giang	X		1,97	Rộng 3,5m; 1 lần đường	
34	Đường thôn: Tuyến Phạm Hiền - Ổ Ổ	Xã Trà Giang	X		0,92	Rộng 3,0m; 1 lần đường	

35	Ngõ ông Tặng – Cầu Gò Rộng	Xã Trà Giang	X		0,92	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
36	Đường GTNT xã Nghĩa Thọ, tuyến cầu Tà Mẩn – xóm Tà Mẩn	Xã Trà Giang	X		0,05	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
37	Đường xã; Tuyến TL 623b – Kênh chính nam(Xóm 1, thôn An Tây)	Xã Trà Giang	X		0,68	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
38	Đường xã: Tuyến ngõ 6 Đức – giáp đường Nghĩa Thắng – Nghĩa Thọ	Xã Trà Giang	X		1,41	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
39	Đường thôn tuyến ngõ ông Sỹ - Bến sông	Xã Trà Giang	X		0,67	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
40	Đường xã: Tuyến cầu Suối Ri – vườn bà Minh(cũ)	Xã Trà Giang	X		1,33	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
41	Đường xã: BTXM tuyến ông Huệ - Cầu Đôi	Xã Trà Giang	X		0,34	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
42	Đường GTNT từ nhà ông Phạm Cứ đến Hóc Đảnh	Xã Trà Giang	X		0,62	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
43	Đường thôn: Tuyến ngõ ông Búp – Vườn đào củ	Xã Trà Giang	X		0,81	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
44	Đường thôn: Tuyến ngõ bà Đào – Ngõ ông Hoàng	Xã Trà Giang	X		1.02	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
45	Đường xã: BTXM tuyến ngõ Hồ Ân – Thổ Vườn	Xã Trà Giang	X		0,71	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
46	Đường thôn: Tuyến ngõ ông Xí – ngõ ông Quân(An Nhơn)	Xã Trà Giang	X		0,90	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
47	Đường xã: Tuyến Nhà máy gạch Tuynen Phú Điền đến kênh chính nam	Xã Trà Giang	X		1,49	Rộng 3,5m; 1 làn đường	

48	Đường BTXM tuyến nhag ông Phạm Máy – Đồng Chặt	Xã Trà Giang	X		0,75	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
49	Ngõ ông Cẩm – Đường huyện(Nghĩa Thắng – Nghĩa Kỳ)	Xã Trà Giang	X		2,04	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
50	Đường thôn: Tuyến ngõ ông Có – Ngõ ông Bưởi(An Nhơn)	Xã Trà Giang	X		0,79	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
51	Đường xã tuyến ngõ ông Thanh – nghĩa địa Núi bé, xã Nghĩa Thắng	Xã Trà Giang	X		0,91	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
52	Đường GTNT thôn 1, xã Nghĩa Thọ, tuyến trạm y tế xã đi cầu Phen	Xã Trà Giang	X		0,10	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
53	Đường thôn: Tuyến nhà văn hóa xóm 4 – Ngõ ông Đoàn(An Cư)	Xã Trà Giang	X		1.04	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
54	Đường xã tuyến ông Lai ngõ ông Chớ, xã Nghĩa Thắng	Xã Trà Giang	X		0,89	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
55	Đường GTNT tuyến ngõ bà Hậu – Ngõ ông Lê, xã Nghĩa Thắng	Xã Trà Giang	X		1,21	Rộng 3,5m; 1 làn đường	
56	Đường GTNT từ nhà ông Phạm Cứ đến Hóc Đành(giai đoạn 2)	Xã Trà Giang	X		0,60	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
57	Đường vào trường tiểu học Nghĩa Thọ	Xã Trà Giang	X		0,35	Rộng 3,0m; 1 làn đường	
58	Đường xã: Tuyến ngõ ông Tỏa giáp đường Quốc phòng	Xã Trà Giang	X		1,00	Rộng 3,5m; 1 làn đường	

II. CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN

TT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Lý trình	Tỉnh/thành phố	Cầu hạn chế tải trọng, khổ giới hạn				Ghi chú
				Tên cầu	Tải trọng thiết kế	Tình trạng tải trọng	Tình trạng khổ giới hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tỉnh lộ 623 – Nghĩa Sơn	K3+500	Xã Trà Giang	Cầu ô tô H 10	10	10-10-10		Cầu đang xuống cấp nghiêm trọng
2	Nguyễn Phúc Tâm – Cầu Lâm 2	K1+145,02	Xã Trà Giang	Cầu suối Lâm	10	10-10-10		
3	Đường TL 623B – Nghĩa Thọ	K2+300	Xã Trà Giang	Cầu qua kênh chính nam	10	10-10-10		
4	Đường TL 623B – Cầu đôi	K0+650	Xã Trà Giang	Cầu Đôi	10	10-10-10		
5	Đường TL 623B – Nghĩa Sơn	K3+874,3	Xã Trà Giang	Cầu suối Lâm	10	10-10-10		
6	Đường TL623B đoạn chợ chiều Quyết Thắng đi kênh chính nam(An Tây)	K2+450		Cầu kinh tế mới	10	10-10-10		

Trong đó:

1. Số hiệu thứ nhất XX là giới hạn khối lượng toàn bộ xe ô tô tải
2. Số hiệu thứ hai YY là giới hạn khối lượng toàn bộ xe ô tô đầu kéo kéo sơ-mi-rơ-moóc;

3. Số hiệu thứ ba ZZ là giới hạn khối lượng toàn bộ xe ô tô kéo rơ-moóc.

Ví dụ: thông tin tại cột (7) là 23 - 29 - 32, nghĩa là xe ô tô tải được phép lưu thông với khối lượng toàn bộ (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 23 tấn; xe ô tô đầu kéo kéo sơ-mi- rơ-moóc được lưu thông với khối lượng toàn bộ (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 29 tấn và xe ô tô kéo rơ-moóc được lưu thông với khối lượng toàn bộ (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 tấn.